

VAI TRÒ CỦA DÒNG HỌ TRONG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ LA PHÙ

TẠ LONG

Qua hơn m-ời năm thực hiện đ-ờng lối xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn theo ph-ong thức khôi phục những làng nghề cũ, phát triển làng nghề mới, đến nay Hà Tây đã đạt đ-ợc nhiều thành tựu đáng khích lệ: Tính đến tháng 5/2002, Hà Tây có 1.016 làng có nghề thủ công (chiếm 70% tổng số làng trong toàn tỉnh), trong đó có 411 làng nghề (chiếm 43,7% tổng số làng nghề ở đồng bằng Bắc Bộ và 20 % tổng số làng nghề trong cả n-ớc). Xét về tổng giá trị sản phẩm (GDP) của các làng nghề này, năm 2002 có 30 làng đạt mức 10- 20 tỉ VNĐ/năm, 5 làng đạt mức 30- 50 tỉ, riêng La Phù đạt 280 tỉ .

Trong số các làng điển hình nói trên, La Phù là một điểm sáng của Hà Tây về cung cách làm ăn mới, năng động, sáng tạo trong điều kiện kinh tế thị tr-ờng. Từ một làng tr-ớc năm 1990 còn nghèo, chỉ sau hơn 10 năm La Phù đã đạt đ-ợc những thành quả đáng khâm phục: GDP năm 2002 là 280 tỉ đồng, trong đó nông nghiệp chiếm 7%; số hộ giàu và khá chiếm tới 70%, 28% hộ trung bình và 2% hộ nghèo (là những hộ có ng-ời tàn tật và cô đơn); không có hộ đói.

Vì sao bên cạnh những làng nghề nổi tiếng nh- Vạn Phúc, La Cả, La Khê, La Phù, v.v... vẫn tồn tại những làng thuần nông nh- La Tinh (thuộc xã Đông La, huyện Hoài Đức), Văn Phú (thuộc xã Văn Khê, thị xã Hà Đông)? Tại sao trải qua thời gian, một số làng nghề trong vùng đã bị mai một nh- La Khê, và nhiều làng đã chuyển h-ớng phát triển, chỉ còn lại vài chục hộ gia đình giữ nghề truyền thống nh- La Cả, hoặc còn giữ nguyên nghề nh-ng kém phát triển nh- Vạn Phúc. Trong khi đó, La Phù có nhiều nghề phát

triển và trở thành một làng nghề lớn nhất trong vùng?

Bài viết này chỉ tập trung đề cập t-ong quan giữa dòng họ với các ngành nghề đ-ợc phát triển ở La Phù nh- nông nghiệp, buôn trâu, dệt len, buôn bán và dịch vụ.

Tài liệu về nghề nông, buôn trâu, dệt kim thời Pháp thuộc đ-ợc s-u tầm qua trí nhớ của các cụ già. Do sự kiện đã qua nhiều năm nên có thể bị phai mờ. Để tránh bỏ sót các thông tin hồi cố này, tên ng-ời thuộc từng dòng họ đ-ợc tìm lần l-ợt với từng nghề, theo từng xóm ngõ. Thêm vào đó, số liệu của chúng tôi cũng dựa trên những tài liệu th- tịch. Có thể nói, cứ liệu sớm nhất có tính hệ thống về từng dòng họ là Địa bạ Hà Đông thời Gia Long (1803), trong đó có địa bạ của La Phù do G.S Phan Huy Lê và nhà sử học Pháp P. Brocheu s-u tầm và tổ chức biên dịch.

Việc hệ thống hoá những số liệu hồi cố với những số liệu chuẩn xác về sở hữu đất đai thời Gia Long, về số địa chủ thời kỳ cải cách ruộng đất và về ngành nghề những năm vừa qua của các dòng họ giúp chúng tôi xâu chuỗi sự phát triển của các dòng họ qua các giai đoạn lịch sử.

1. Sự phát triển khác nhau giữa các dòng họ thời kỳ tr-ớc năm 1954

1.1 Sự phát triển khác nhau giữa các dòng họ trong nông nghiệp

Số liệu cụ thể về các chủ ruộng thuộc từng dòng họ d-ới đây sẽ cho thấy sự khác nhau trong khả năng kinh doanh ruộng đất của ng-ời La Phù vào đầu thế kỷ 19.

Bảng 1: Số chủ ruộng theo tên họ ở La Phù đầu thế kỷ 19

Đơn vị: hộ

	Dòng họ							
	□ỗ	Ng. Duy	Ng.□ình	Ng.□úc	Ng.H- ng	Ng.Hữu	Ng.Phan	Ng.Phú
Số hộ	7	5	2	4	1	8	11	2
% của làng	5,6	4,0	1,6	3,2	0,8	6,5	8,9	1,6
	Dòng họ							
	Ng. Quang	Ng.Thế	Ng.Thị	Ng.Văn	Ng.Viết	Phạm Quang	Phan Quang	Tạ Công
Số hộ	4	1	34	4	8	2	2	6
% của làng	3,2	0,8	27,4	3,2	6,5	1,6	1,6	4,8
	Dòng họ							
	Tạ Duy	Tạ Nguyễn	Tạ T-ong	Trần	Trịnh			
Số hộ	8	1	14	1	1			
% của làng	6,5	0,8	11,3	0,8	0,8			

Nguồn: Phan Huy Lê (chủ biên). *Địa bạ Hà Đông. H, 1995, tr.532- 537.*

Số liệu trong bảng trên cho thấy: Chủ sở hữu Nguyễn Thị chiếm tỉ trọng lớn nhất (27,4%), thứ nhì là họ Tạ T-ong (11,3%), thứ ba là họ Nguyễn Phan (8,9%); thứ t- là họ Nguyễn Hữu, Nguyễn Viết và Tạ Duy (mỗi họ chiếm 6,5%); thứ năm là họ □ỗ (5,6%). Các chủ ruộng của họ Nguyễn □úc, Nguyễn Quang, Nguyễn Văn chiếm 3,2%. Các họ còn lại nh- Nguyễn Duy, Nguyễn Phú, Nguyễn Thế, Phạm Quang, Phan Quang, Tạ Nguyễn, Trần và Trịnh chỉ chiếm từ 0,8- 1,6%.

Số liệu vừa nêu sẽ trở nên lý thú khi đ- ọc đối chiếu với những số liệu về các hộ sản xuất kinh doanh thuộc các dòng họ ở phần cuối của bài báo này.

Số liệu về các địa chủ ở La Phù thời kỳ cải cách ruộng đất cũng cho thấy sự khác nhau trong kinh doanh ruộng đất của các dòng họ ở địa ph- ong. Bảng 2 d- ối đây sẽ cho thấy sự khác biệt về số địa chủ thuộc các dòng họ .

Bảng 2: Phân bố các địa chủ theo dòng họ năm 1954

Đơn vị: ng- ời

Tổng số	Ngô Văn	Ng. Quang	Tạ Tương	Tạ Duy	Tạ Văn	Ng. Hưng	Ng. Viết	Ng. Văn	Ng. Phú	Ng. Phan	Đỗ
28	7	4	4	3	2	2	1	2	1	1	1

Nguồn: *Nghiên cứu thực địa, 2005.*

Số liệu trong bảng trên cho thấy: Khác với thời kỳ Gia Long, giai đoạn trước năm 1954 họ Ngô Văn đã có nhiều địa chủ nhất ở La Phù. Số địa chủ của các họ Nguyễn Viết, Nguyễn Hữu và □□ giảm hẳn so với số chủ ruộng thời kỳ Gia Long. Số địa chủ của họ Tạ T-ong tuy không nhiều nhất nhưng số chủ ruộng thời Gia Long, nh-ng vẫn vào loại nhiều nhất so với những họ khác. Các họ Tạ Duy, Tạ Văn và Nguyễn H-ng tuy dân số không nhiều nhưng họ Nguyễn Quang và Ngô Văn, nh-ng số địa chủ của họ này lớn hơn so với các họ vừa nêu. Họ Tạ Công không có địa chủ nào.

Nh- vậy, sau hơn 100 năm, phân bố đất đai ở La Phù đã có những thay đổi nhất định. Có những họ vẫn giữ đ-ợc vị thế trong sở hữu đất đai như Tạ T-ong, có những họ lên ngôi như Ngô Văn, Nguyễn Quang, có những họ giảm sút như Nguyễn Viết, Nguyễn Hữu và Tạ Công.

1.2 Sự phát triển khác nhau giữa các dòng họ trong buôn trâu

Số chủ buôn trâu của các dòng họ cũng khác nhau. Bảng 3 dưới đây sẽ cho thấy điều này.

Bảng 3: Số chủ buôn trâu thuộc các dòng họ giai đoạn 1940-1954

Đơn vị: hộ

Tổng số	Ng. Quang	Ng. Viết	Tạ Tương	Tạ Duy	Ng. Văn	Ng. Phú	Tạ Văn	Ngô Văn	Đỗ	Họ khác*
31	5	5	4	3	3	3	2	1	1	4

Nguồn: Nghiên cứu thực địa, 2003- 2005.

* Gồm các họ Nguyễn Duy, Nguyễn Phan, Phạm Quang và một ng-ời ở La Phù.

Họ Nguyễn Quang và Nguyễn Viết nhiều chủ buôn trâu nhất xã, trong đó chủ buôn trâu lớn nhất là Nguyễn Quang Quýnh (tức Ba Con); thứ nhì là họ Tạ T-ong, tiếp theo là các họ Tạ Duy, Nguyễn Văn, Nguyễn Phú và Tạ Văn. Trong số này, họ Nguyễn Phú và Tạ Văn có dân số ít. Họ Ngô Văn đông thứ nhì trong làng, nh-ng không có chủ buôn trâu nào. Họ Nguyễn Duy có số hộ vào bậc trung bình, nh-ng số chủ buôn trâu cũng ít nhất.

Nh- vậy, các họ Nguyễn Quang, Tạ T-ong, Tạ Duy và Tạ Văn có số địa chủ và số

chủ buôn trâu t-ong đ-ợng nhau. Họ Ngô Văn có số địa chủ nhiều, nh-ng không có chủ buôn trâu nào. Có thể nói, số ruộng của họ Ngô không dựa trên kết quả buôn trâu.

1.3 Sự phát triển khác nhau của các dòng họ trong nghề dệt kim giai đoạn 1940-1954

Sự phát triển khác nhau của nghề dệt kim giữa các dòng họ sẽ đ-ợc phản ánh qua các số liệu trong bảng 4 dưới đây.

Bảng 4: Số chủ dật kim của các dòng họ ở La Phù giai đoạn 1940-1954

Đơn vị: hộ

Tổng số	Ngô Văn	Ng. Quang	Tạ T-ơng	Ng. Văn	Tạ Duy	Ng. Viết	Trịnh	□ỗ	Ng. Khác*	Tạ Công	Tạ Văn
99	20	19	17	16	5	7	6	3	3	1	1

Nguồn: Nghiên cứu thực địa, 2003- 2005.

* Gồm các họ: Nguyễn Phan, Nguyễn Thế và Nguyễn Hữu.

Thời Gia Long, họ Ngô Văn không có một chủ sở hữu đất t- nào song đến thời Pháp thuộc số chủ dật kim của họ Ngô Văn nổi trội hơn cả. Giai đoạn 1954, số địa chủ đ- ợc quy thành phần của họ Ngô đã v- on lên đứng đầu. □ây là một chỉ số chứng tỏ sự phát đạt nhanh chóng của dòng họ này. Họ Nguyễn Quang cũng có khá nhiều số chủ dật kim. Số địa chủ năm 1954 và chủ buôn trâu của họ này (xem bảng 2-3) cũng đứng hàng đầu so với các dòng họ khác trong làng. So với thời Gia Long (xem bảng 1), đây là sự tiến bộ v- ợt bậc của họ Nguyễn Quang. Một điều đáng l- u ý là họ này có số dân đông nhất ở La Phù lúc bấy giờ. Khác với lĩnh vực nông nghiệp, trong nghề dật kim cũng nh- buôn trâu (xem bảng 3-4), họ Nguyễn Văn có số dân ở vị trí thứ năm trong làng, nh- ng số chủ đứng thứ ba về buôn trâu và thứ t- về dật kim.

□ặc biệt hơn cả, họ Tạ T-ơng tuy dân số vào hàng thứ t- trong làng, nh- ng qua các thời kỳ khác nhau từ thời Gia Long tới nay đều đứng nhất nhì về số chủ ruộng, địa chủ, chủ buôn trâu cũng nh- chủ dật kim. Sự - u trội này còn đ- ợc thấy khi khảo sát số chủ dật kim và chủ các công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hiện nay. Họ Nguyễn Viết và Tạ Duy cũng phát triển khá đồng đều trong các lĩnh vực nông nghiệp, buôn bán và dật, nh- ng không

đạt đ- ợc vị trí hàng đầu nh- họ Tạ T-ơng, một phần có thể do dân số của hai họ này không nhiều.

Trong số 99 chủ dật kim thời Pháp thuộc của La Phù thấy có tới 6 chủ của họ Trịnh với dân số ít nhất làng. □iều này cũng đáng l- u ý trong khi xem xét ảnh h- ưởng của t-ơng quan dân số tới phát triển của các hộ gia đình thuộc các làng nghề.

2. Sự phát triển ngành nghề của các dòng họ thời kinh tế thị tr- ờng những năm gần đây

2.1 Phân bố hộ kinh doanh theo nghề của các dòng họ

B- ớc sang thời kỳ kinh tế thị tr- ờng, nghề dật kim và làm bánh kẹo đ- ợc phát triển mạnh nhờ chính sách mở cửa với nền kinh tế nhiều thành phần. Bên cạnh đó, một số nghề mới cũng đã hình thành nh- thêu, may, làm bao bì xuất khẩu.... Đến đầu năm 2000, số nghề của ng- ời dân trong làng đã lên tới con số 36.

Tuy tổng số nghề của La Phù là 36 nghề, nh- ng những họ đông nhất làng nh- Nguyễn Quang (84 hộ) cũng chỉ làm tới đa 15 nghề. Trong khi đó, có họ chỉ có 2 hộ, làm 2 nghề (Lê, Hoàng); có họ có 4 hộ, làm 4 nghề (Trịnh); thậm chí có họ (Ngô khác) có 6 hộ, làm 6 nghề.

Qua bình quân số hộ/nghề có thể thấy mức độ tập trung trong một nghề của những họ đông dân cao hơn những họ dân số ít. Tuy vậy, vẫn có một số ngoại lệ. Ví dụ, họ Nguyễn Viết chỉ có 29 hộ nh-ng chỉ số tập trung vào một nghề bằng họ Nguyễn Quang (5,6 hộ/nghề), lớn hơn họ Ngô Văn (5,6 so với 5,5). Họ Phạm khác chỉ có 17 hộ, nh-ng chỉ số bình quân hộ/nghề bằng họ Nguyễn Duy với 33 hộ, lớn hơn họ Nguyễn Thế với 28 hộ (Chỉ số so sánh là 3,7 và 3,1).

Số liệu về phân bố hộ đăng ký kinh doanh của các dòng họ cho thấy số hộ của các dòng họ tập trung vào ba nghề đầu tiên là dệt len, may và làm bánh kẹo, chiếm tới 79% tổng số hộ đăng ký kinh doanh của xã.

Tỉ lệ % số hộ của dòng họ tham gia mỗi nghề cũng có sự khác nhau. Ví dụ, đối với nghề dệt len, họ Nguyễn Quang và Ngô Văn tuy vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất so với tất cả các họ khác, nh-ng số hộ làm nghề này chỉ chiếm khoảng một nửa số hộ của cả dòng họ (6,2% trong số 11,8% và 5,8% trong số 11,5%). Trong khi đó họ Tạ T-ong, Tạ Công tuy có số hộ trong nghề này ít hơn hai họ trên, nh-ng số hộ trong nghề chiếm tới 2/3 số hộ của cả dòng họ (5,1% trong số 6,9% và 2,3% trong số 3,5%). □ các dòng họ còn lại, mặc dù tỉ lệ hộ trong nghề dệt len vẫn lớn nhất so với 35 nghề kia, nh-ng tỉ lệ này không cao nh- hai họ Tạ T-ong và Tạ Văn, mà chỉ t-ong tự nh- hai họ Nguyễn Quang và Ngô Văn.

Qua sự phân bố này có thể thấy, đối với tất cả các dòng họ trong làng La Phù, nghề dệt len là chí thiết nhất, nh-ng họ Tạ T-ong và Tạ Công gắn bó và chí thiết nhất với nghề này. Sự gắn bó này khiến họ thành công tới đâu, tài liệu về các công ty TNHH sẽ trình bày d-ới đây sẽ cho thấy rõ thêm.

- Trong hai nghề đứng thứ hai và thứ ba ở La Phù (may và làm bánh kẹo), họ Tạ T-ong và Tạ Công chỉ đứng hàng thứ yếu, họ Ngô Văn đứng đầu về tỉ lệ hộ làm nghề may (2%), họ Nguyễn Quang đứng đầu về tỉ lệ hộ trong nghề làm bánh kẹo (1,7%).

Trong nghề may, các dòng họ Nguyễn khác, Nguyễn Hữu, Nguyễn Công và Nguyễn Thị có số hộ theo nghề chiếm tỉ trọng ấn t-ợng nh-tr-ờng hợp các họ Tạ T-ong, Tạ Công và □ỗ Thiện trong nghề dệt len. Họ Nguyễn Hữu chỉ chiếm 4,4% tổng số 713 hộ nghề, nh-ng có 1% hộ làm may; họ Nguyễn khác với 4,6% hộ nghề, có 1,1% hộ làm may; họ Nguyễn Công có 2,4% hộ nghề, có 0,8% hộ làm may; họ Nguyễn Thị chiếm 4,1% hộ nghề, có 1,3% hộ làm may. Trong khi đó, hai họ lớn nhất là Nguyễn Quang và Ngô Văn chiếm 11,8% và 11,5% trong tổng số hộ nghề, nh-ng chỉ có 1,5% và 2% làm may. Nh- vậy, trong nghề may, các họ Nguyễn Quang, Ngô Văn, Nguyễn Hữu, Nguyễn Công, Nguyễn Thị và Nguyễn khác là lực l-ợng chủ công.

Trong nghề làm bánh kẹo, các họ Nguyễn Quang, Nguyễn Viết, Tạ Duy và Nguyễn Duy có tỉ lệ hộ tham gia lớn hơn cả. Trong số này, họ Nguyễn Quang tuy nhiều hộ làm bánh kẹo nhất, nh-ng tỉ lệ hộ tham gia nghề này rất khiêm tốn so với tổng số hộ nghề của dòng họ (1,7% trong số 11,8%). Tỉ lệ hộ làm bánh kẹo của các họ Nguyễn Viết, Nguyễn Duy và Tạ Duy cao nhiều so với tỉ lệ hộ nghề của những dòng họ này. Tỉ lệ này ở họ Nguyễn Viết là 1,1% trong số 5,9%, ở họ Nguyễn Duy là 0,8% trong số 4,6%, và ở họ Tạ Duy là 1% trong số 4,2%. □áng l-u ý là họ Ngô Văn chiếm tới 11,5% số hộ nghề toàn xã, nh-ng chỉ có 0,7% hộ làm bánh kẹo.

2.2 Buôn Nam - Bắc của các dòng họ

Buôn đ-ờng dài Nam-Bắc có ngay từ những ngày sau giải phóng miền Nam năm 1975 và hiện nay vẫn đ-ợc một số gia đình ở

La Phù theo đuổi. D-ới đây xin giới thiệu số l-ợng ng-ời làm nghề này ở các dòng họ.

Bảng 5: Số ng-ời buôn Nam - Bắc của các dòng họ năm 2005

Đơn vị: ng-ời

Tổng số	Ng. Văn	Ng. Quang	Ng. Duy	Ng. H-ng	Ng. Thế	Ng. Hữu	Ng. Thị	Ng. khác	Ngô Văn	Tạ T-ong	Tạ Thị	Tạ khác	Phạm Quang
29	1	7	3	1	1	2	4	1	4	2	1	1	1

Nguồn: UBND xã La Phù, 2004 và nghiên cứu thực địa của Tạ Long, 2004.

So với họ Ngô Văn, họ Nguyễn Quang có số dân ít hơn nh-ng lại có số ng-ời buôn Nam-Bắc nhiều hơn. Tuy dân số của họ Tạ Duy chỉ vào hàng trung bình, nh-ng trong buôn bán cũng nh-các lĩnh vực kinh doanh khác, dòng họ này có nhiều ng-ời thành đạt. Tr-ớc đây, khi nghề dệt ch-a đ-ợc khôi phục, họ Tạ T-ong th-ờng đi đầu

trong buôn Nam-Bắc. Hiện nay, buôn Nam-Bắc của họ Tạ T-ong lại ở hàng thứ yếu, có thể là do “các anh tài” đã tập trung vào xây dựng các công ty TNHH.

2.3 Sự phát triển của các công ty TNHH ở các dòng họ

Bảng 6: Chủ các công ty TNHH thuộc các dòng họ

Đơn vị: hộ

Toàn xã	Ng. Duy	Ng. □ức	Ng. Quang	Ng. Thế	Tạ T-ong	Tạ Công	Tạ Văn	Ngô Văn*	Ng. Minh	Phan Thanh	Ch-a rõ họ
29	3	2	3	1	7	2	1	5	1	1	3

Ghi chú: - Các tên họ đ-ợc sắp xếp thống nhất giữa các bảng trong toàn bộ bài viết. Riêng họ Nguyễn Đức trong bảng này không đ-a vào Nguyễn khác nhằm đối chiếu với số liệu trong bảng về sở hữu đất đai thời Gia Long ở d-ới.

Bảng trên cho thấy, họ Tạ T-ong phát đạt nhất trong số chủ công ty TNHH của La Phù. Phần lớn số chủ công ty TNHH này phát triển lên từ nghề dệt len. Có thể nói, họ Tạ T-ong có vai trò chủ đạo trong sự phát triển nghề dệt len của La Phù ở giai đoạn tiểu chủ sản xuất thủ công nghiệp cũng nh- giai đoạn doanh nghiệp làm ăn lớn, sản xuất công nghiệp. Có thể do đặc thù phân bố nghề không tập trung cao độ nh- họ Tạ T-ong nên họ Ngô Văn có mức độ “Sinh -

nghệ, tử - nghệ” không thật cao. Họ này chỉ có 5 hộ v-ơn lên thành công ty TNHH. Họ Nguyễn Quang tuy đông dân nhất, cũng nhiều hộ làm nghề nhất xã, nh-ng chỉ có 3 công ty TNHH. Họ Nguyễn □ức tuy chỉ thấy 2 hộ tiểu chủ thuộc danh mục họ “Nguyễn khác”, nhưng có tới 2 chủ công ty TNHH làm nghề dệt len. Riêng họ Tạ Công và □ố Thiện có tỉ lệ hộ dệt len cao nh- ở trên đã phân tích, nh-ng ch-a thấy có tên trong đội ngũ chủ các công ty TNHH.

Câu hỏi đặt ra ở đây là vì sao các dòng họ lại làm ăn phát đạt khác nhau nh- vậy?

□ối chiếu số chủ các công ty TNHH của các dòng họ với số chủ đất đầu thế kỷ 19 (bảng 1) ta thấy: Họ Tạ T-ong và Nguyễn Đức có truyền thống làm giàu lâu đời, từ thời Gia Long tới nay. Họ Nguyễn Quang và Ngô Văn từ thời Gia Long tới nay kém phát đạt. Trong địa bạ Gia Long không thấy chủ đất họ Ngô nào, chỉ thấy 4 chủ đất họ Nguyễn Quang so với 14 chủ đất họ Tạ T-ong, 6 chủ đất họ Tạ Công, 4 chủ đất họ Nguyễn Đức. Họ Nguyễn Thị có tới 34 chủ đất, chiếm 27,4% tổng số chủ trong địa bạ này, trong khi đó không thấy có nữ chủ đất các họ khác. Sự

-u trội của chủ nữ họ Nguyễn Thị cho thấy vai trò giới trong nghề giữa các dòng họ khác nhau khá nhiều. Hiện nay, họ Nguyễn Thị cũng đông nhất trong số những tiểu chủ nữ của các họ làm nghề, song họ lại không có tên trong danh sách chủ công ty TNHH. Điều này phân nào phản ánh sự hạn chế vị trí của nữ giới trong vai trò chủ sở hữu các tài sản lớn.

Những số liệu tham chiếu nói trên là một minh chứng hữu ích về tác động của khía cạnh xã hội, truyền thống làm kinh tế của dòng tộc tới phát đạt kinh tế của địa ph-ong cũng nh- của các gia đình hiện nay.

2.4 Thu nhập theo dòng họ

Bảng 7: Thu nhập của các dòng họ năm 2002

□ơn vị: 1000đ / hộ / tháng

Mức thu nhập	Đỗ Thiện	Đỗ Huy	Đỗ khác*	Đào Trung	Trần	Tạ T-ong	Tạ Duy	Tạ Công	Tạ Văn	Tạ Khác
Trung bình	6.967	7.156	5.500	9.133	12.850	5.401	5.760	6.980	6.408	10.000
Cao nhất	18.000	20.000	8.000	18.000	21.000	21.000	17.000	26.000	17.000	12.000
Thấp nhất	2.900	2.100	3.000	4.200	4.700	1.200	2.600	2.100	2.900	7.500
	Phan Văn	Phan Thanh	Phan Mạnh	Phạm Quang	Phạm khác	Phùng	Ng. Quang	Ng. Văn	Ng. Viết	Ng. Duy
Trung bình	5.879	1.183	4.100	5.220	3.950	-	9.079	6.258	8.545	7.481
Cao nhất	11.000	17.000	5.600	11.000	5.100	3.700	120.000	30.000	31.000	28.000
Thấp nhất	2.100	3.000	2.900	2.900	2.700	-	1.200	700	2.800	2.500
	Ng. Hữu	Ng. H-ng	Ng. Thế	Ng. Phan	Ng. Phó	Ng. Mạnh	Ng. Nhật	Ng. Khác	Trịnh	
Trung bình	6.258	5.394	5.885	5.190	4.025	5.100	4.000	6.513	5.225	
Cao nhất	19.000	21.000	30.000	2.000	6.000	5.300	4.900	12.000	6.500	
Thấp nhất	2.100	1.700	1.500	1.500	1.700	4.900	3.100	1.500	3.700	
	Nhữ	Ngô Văn	Ngô Mạnh	Ngô Trọng	Ngô Khác	Lê	Hoàng	D-ong	Cao	Đình
Trung bình	11.000	7.741	9.333	12.950	3.575	3.700	3.450	8.550	2.600	2.600
Cao nhất	11.000	120.000	19.000	18.000	4.200	4.600	3.900	13.000	2.600	2.600
Thấp nhất	11.000	500-1000	2.800	7.900	2.800	3.800	3.000	4.100	2.600	2.600
	Ng. Thị	Ngô Thị	Tạ Thị	Đỗ Thị	Trần Thị	Phan Thị				
Trung bình	1.493	3.667	3.325	2.900	5.250	4.000				
Cao nhất	7.000	5.100	4.100	3.700	9.000	4.000				
Thấp nhất	1.500	2.700	2.700	2.300	1.500	4.000				

Nguồn: Cục Thống kê Hà Tây, 2002.

□ các họ phát đạt trong nhiều lĩnh vực kinh doanh nhiều thời kỳ nh- Tạ T-ong, Tạ Duy, Nguyễn Duy, Nguyễn Việt, Nguyễn Hữu, □ỗ Thiện mức độ chênh lệch giữa thu nhập cao và thu nhập trung bình không lớn: chỉ từ 2,58 lần (□ỗ Thiện); 3,74 lần (Nguyễn Duy); cao nhất là 3,89 lần (Tạ T-ong). Trong khi đó, hai họ có số ng-ời đông nhất làng là Nguyễn Quang và Ngô Văn, tỉ lệ chênh lệch này quá lớn: từ 12,9 lần (Ngô Văn) và 13,2 lần (Nguyễn Quang).

3. Kết luận

Trải qua các giai đoạn lịch sử, con ng-ời La Phù luôn là những ng-ời thực sự năng động, linh hoạt, ham làm giàu. Ng-ời dân nơi đây luôn tự tìm cho mình những h-ớng đi phù hợp để phát triển. Trong số họ có những dòng họ gắn bó chí thiết với nghề dệt len, một nghề có từ những năm 40 của thế kỷ tr-ớc và hiện chiếm nhiều lao động nhất của làng với nhiều hộ gia đình và nhiều công ty TNHH nhất trong các nghề của La Phù. □ó là các họ Tạ T-ong, Ngô Văn, Nguyễn Quang, Tạ Công, Nguyễn Duy... Xét theo quá trình cũng nh- truyền thống làm ăn x-a và nay không chỉ trong nghề dệt, mà cả trong nghề nông, buôn bán, họ Nguyễn Quang và Tạ T-ong, đặc biệt là họ Tạ T-ong, luôn là dòng họ nổi trội hơn cả. Họ Nguyễn Quang hiện là dòng họ đông nhất, nh- ng không phải tiêu biểu nhất trong nghề nh- họ Tạ T-ong. Họ Ngô Văn với dân số làm nghề đông thứ nhì trong làng, số chủ các công ty TNHH cũng đứng sau họ Tạ T-ong. Trong khi đó họ Tạ T-ong chỉ với số hộ làm nghề bằng nửa của Nguyễn Quang và Ngô Văn, nh- ng lại nhiều chủ doanh nghiệp với lực l-ợng sản xuất hùng mạnh nhất trong làng.

Sự khảo sát đã cho thấy vai trò quan trọng của dòng họ trong quá trình phát triển nghề ở La Phù. Tuy nhiên, những yếu tố nh- khả năng lựa chọn và thích ứng với thị tr-ờng, tổ chức và quản

lý kinh doanh, sử dụng và khai thác lao động... đã tác động đến vai trò này nh- thế nào đang là vấn đề còn bỏ ngỏ. Chúng tôi hy vọng sẽ có điều kiện tiếp tục khảo nghiệm và giải đáp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan □nh: *Trong họ ngoài làng*. Nxb. Thành phố HCM, 1992.
2. BCH. □ảng bộ xã D-ong Nội. *Lịch sử cách mạng xã D-ong Nội (1936 - 1954)*. Nxb. Hà Nội, H, 1987.
3. BCH. □ảng bộ xã Vạn Phúc. *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Vạn Phúc (1936 - 1945)*. Vạn Phúc, 1986.
4. Mai Huy Bích: *Đặc điểm đồng bằng sông Hồng*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, H, 1993.
5. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*. Nxb Tổng hợp □ông Tháp, 1990.
6. Tr-ong Huyền Chi. *Village affairs: The re-making of communal identity through the intensification of rituals in a nothern Vietnamese village*. Paper presented at the annual meeting of the Association for Asian Studies, March 21-25, Chicago.
7. Cục Thống kê Hà Tây. *Danh mục doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tây thời điểm 01 tháng 3 năm 2004*. Hà □ông, 8/2004.

8. Cục Thống kê Hà Tây. *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây 2003*. Hà Nội, 4/2004.
9. Phan Đại Doãn: *Làng Việt Nam- Một số vấn đề kinh tế xã hội*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1992.
10. Bế Việt Hằng & Tạ Long. *Tìm hiểu những xu hướng và khả năng phát triển của thủ công nghiệp Hà Sơn Bình*. Dân tộc học, H, số 1, 1991.
11. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Mạnh Quân & Phan Ph-ong Thảo (s-u tâm, tổ chức biên dịch và bản thảo). *Địa bạ Hà Đông*. H, 1995.
12. Nguyễn Kiên. *Công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn các nước Châu Á và Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1977.
13. Đỗ Thị Minh Đức. *Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn với vấn đề đô thị hoá ở đồng bằng sông Hồng*. NCLS, H, số 4, 1993.
14. Endres, Kirsten. *Local Dynamics of Renegotiating Ritual Space in Northern Vietnam: The Case of the Dinh*. SOJOURN, Vol. 16, No 1 (2001), pp 70-101.
15. Gourou, Pierre. *Ng-ời nông dân châu thổ Bắc Bộ*. Paris, 1936. Bản dịch tiếng Việt. Nxb Trẻ, H, 2003.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Về các giải pháp phát triển thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở vùng đồng bằng sông Hồng*. H, 1998.
16. Mai Thế Hồn (chủ biên). *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá (sách tham khảo)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2003.
17. Tô Duy Hợp (chủ biên). *Ninh Hiệp - truyền thống và phát triển*. Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1997.
18. Tô Duy Hợp (chủ biên). *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 2003.
- 19.. Kleinen, John. *Facing the Future, Reviving the Past: A Study of Social Change in a Northern Vietnamese Village*. Institute of Southeast Asian Studies, 1999.
20. Tạ Long. *Kinh tế hộ ở La Khê trước năm 1954: Bối cảnh chung và những nét đặc trưng riêng*. Dân tộc học, H, 1 Số 1, 1992.
21. Tạ Long & Ngô Thị Chính. *Việc hiếu và quan hệ làng xã ở La Khê*. Văn hoá dân gian, H, Số 2 , 1992.
22. Tạ Long. *Đồn nén dân số trong nông thôn và phát triển nông nghiệp (Qua tài liệu ở tỉnh Hà Bắc)*. Nghiên cứu Đông Nam Á, H, Số 3, 1993.
23. Tạ Long & Ngô Thị Chính. *Quan hệ t-ong trợ ở một số làng xã thuộc tỉnh Hà Bắc*. Dân tộc học, H, Số 3, 1994.